

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học (Primary Teacher Education)

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành tại Quyết định số 185/QĐ-DHAG ngày 6/6/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học nhằm đáp ứng những yêu cầu đổi mới của giáo dục tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sinh viên tốt nghiệp phải có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe, có năng lực dạy học, giáo dục học sinh theo các yêu cầu đổi mới của giáo dục tiểu học, có khả năng dạy tốt chương trình tiểu học, nghiên cứu khoa học giáo dục, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của giáo dục tiểu học trong những thập kỉ tới.

Sinh viên tốt nghiệp hệ đào tạo này có thể tiếp tục học lên các trình độ cao hơn về giáo dục tiểu học, quản lí giáo dục và có khả năng trở thành giáo viên cốt cán của cấp tiểu học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp phải đạt các yêu cầu cụ thể là:

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam: thấm nhuần thể giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

1.2.2. Về kiến thức

- Có kiến thức giáo dục đại cương đủ rộng, nắm vững các kiến thức chuyên môn, bảo đảm dạy tốt các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình tất cả các lớp cấp tiểu học, được nâng cao về 3 môn Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội, tạo điều kiện để sinh viên tốt nghiệp có thể học tiếp lên các trình độ cao hơn.

- Có kiến thức cơ bản về Tâm lí học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học, về đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, bước đầu biết vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn dạy học, giáo dục học sinh ở trường tiểu học.

- Có kiến thức cơ bản về những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội, giáo dục, văn hóa của đất nước.

- Có hiểu biết về Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành. Có kiến thức phổ thông về môi trường, dân số, an ninh, quốc phòng, an toàn giao thông; về quyền trẻ em để có thể thực hiện giáo dục tích hợp.

- Có hiểu biết về tình hình kinh tế – văn hóa – xã hội, đời sống, phong tục tập quán của địa phương để có thể hòa nhập và góp phần phát triển cộng đồng.

- Được trang bị những thông tin cập nhật về đổi mới giáo dục tiểu học trong nước và khu vực, có khả năng vận dụng đổi mới phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học.

1.2.3. Về kỹ năng

- Biết lập kế hoạch giáo dục cho từng học kì và cho cả năm học. Biết lập kế hoạch bài học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá ở tiểu học.

- Biết tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể của học sinh và địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập. Biết dạy cho học sinh phương pháp học tập, đặc biệt biết tự học, phát triển ở học sinh năng lực tự đánh giá. Biết tận dụng các phương tiện công nghệ dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin, vào quá trình dạy học ở tiểu học.

- Khi có nhu cầu, có thể dạy lớp ghép, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc, dạy học sinh khuyết tật theo hướng hòa nhập.

- Biết làm công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động Sao nhi đồng, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Có kỹ năng quản lý lớp học, xây dựng lớp thành tập thể đoàn kết, tự quản. Có khả năng giáo dục học sinh cá biệt. Biết lập sổ sách, xây dựng và lưu trữ hồ sơ về quá trình học tập rèn luyện đạo đức của học sinh.

- Biết giao tiếp và ứng xử thích hợp với học sinh, gia đình học sinh, với đồng nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

125 tín chỉ (chưa kể Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh

Những học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT, trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 262/VBHN-ĐHAG ngày 18/8/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang.

6. Thang điểm

Thang điểm 10 (sau đó quy đổi thành thang điểm 4).

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại HP		Số tiết		Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết	Học kỳ (dự kiến)	Trang tra cứu
			Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Lý thuyết	Thực hành					
I Khối kiến thức giáo dục đại cương 29 TC (Bắt buộc: 29 TC; Tự chọn: 0 TC)													
1	MAX101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2			22	16				II	
2	MAX102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3			32	26	1			III	
3	HCM101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			21	18	2			IV	
4	VRP101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3			32	26	3			V	
5	ENG101	Tiếng Anh 1	3	3			45					II	
6	ENG102	Tiếng Anh 2	4	4			60		5			III	
7	COS101	Tin học đại cương	3	3			25	40				II	
8	PHT101	Giáo dục thể chất (*)	3*	3*				90				II, III	
9	MIS102	Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)	8*	8*			91	69				III, IV V	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại HP		Số tiết		Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết	Học kỳ (đợt kiến)	Trang tra cứu
			Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm							
10	EDU101	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và đào tạo	1	1			15					VII	
11	MAT505	Toán học 1 (Tập hợp – Logic)	2	2			25	10				I	
12	STA101	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	2			25	10				III	
13	BAS101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2			30					I	
14	PED108	Giáo dục môi trường – SP GDTH	2	2			25	10				VII	
II Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 56 TC (Bắt buộc: 40 TC; Tự chọn: 16 TC)													
15	PSY101	Tâm lý học đại cương	2	2			30					I	
16	PSY103	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm đào tạo giáo viên Tiểu học	2	2			30		15			II	
17	PED101	Giáo dục học 1	2	2			30		15			II	
18	PED113	Giáo dục học 2 đào tạo giáo viên Tiểu học	2	2			30		17			III	
19	PED105	Phương pháp nghiên cứu khoa học – ĐH GDTH	2	2			30					VI	
20	PRE501	Sinh lý học trẻ em	2	2			25	10				I	
21	COA511	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học	3	3			25	40	7			VII	
22	VIE507	Tiếng Việt thực hành – SP	2	2			15	30				I	
23	VIE501	Tiếng Việt 1	3	3			40	10				I	
24	VIE502	Tiếng Việt 2	3	3			40	10	23			II	
25	VIE503	Ngữ pháp tiếng Việt – SP GDTH	2			2	25	10	24			VII	
26	VIE508	Từ Hán – Việt	2			2	25	10	24			VII	
27	LIT505	Văn học 1	3	3			40	10				VI	
28	ARI502	Toán học 2 (Các tập hợp số)	2	2			25	10	11			II	
29	ALG505	Đại số sơ cấp – ĐH GDTH	2			2	25	10				VI	
30	GEM507	Hình học sơ cấp	2			2	25	10				VI	
31	PRE513	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1 (Lịch sử, Địa lý) – ĐH GDTH	2	2			25	10				V	
32	PRE101	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2 (Sinh học, Sức khỏe) – ĐH GDTH	2	2			25	10				I	
33	PRE506	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 3 (Vật lý, Hóa học) – ĐH GDTH	2			2	25	10				V	
34	VIE505	Ngôn ngữ học văn bản	2				25	10				V	
35	AES503	Thủ công – Kỹ thuật	3	3			30	30				VI	
36	PED532	Phương pháp công tác Đội thiếu niên tiên phong HCM	2	2			20	20				VI	
37	PED561	Hoạt động ngoài giờ lên lớp, thực hành công tác Đội, Sao nhi đồng	2	2			30					VII	
38	PRE514	Thực tập thực tế	1	1				30				III	
39	EDU955	Khóa luận tốt nghiệp – ĐH GDTH	10		10			300				VIII	
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:													

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại HP		Số tiết			Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết	Học kỳ (dự kiến)	Trang tra cứu
			Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết					
40	PED913	Phương pháp dạy toán tích cực cho học sinh tiểu học	2				25	10				VIII		
41	PRE917	Số luận	3				40	10				VIII		
42	PRE918	Đại lượng và đo đại lượng	3				40	10				VIII		
43	PRE914	Văn học 2 – Thi pháp học	2		10		25	10	27			VIII		
44	LAS522	Ngữ dụng học – ĐH GDTH	3				40	10	24			VIII		
45	PED914	Phương pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	2				25	10				VIII		
46	PED528	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 3 (Phương pháp giải bài tập tiếng Việt)	2				15	30	47			VIII		
III Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm 40 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn: 4 TC)														
47	PED304	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	3			15	60	24			IV		
48	PED510	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	3			25	40	46			V		
49	PRE910	Phương pháp dạy học Toán 3 (Thực hành giải toán tiểu học)	3	3			30	30	50			VII		
50	PED306	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	4	4			25	70	18,28			IV		
51	PED513	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	3	3			25	40	50			V		
52	PED307	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học 1 (Tự nhiên xã hội và Khoa học)	4	4			25	70	18			IV		
53	PED607	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội 2 (Lịch sử, Địa lý)	2	2			15	30	52			VI		
54	PED560	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	3	3			30	30	18			VI		
55	PED523	Phương pháp dạy học Thủ công và kỹ thuật ở tiểu học	2	2			15	30	35			VII		
56	PED308	Âm nhạc và Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2		2		15	30	18			IV		
57	PED309	Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc	2				15	30				IV		
58	PED611	Mỹ thuật và Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	2	2			15	30	18			VII		
59	PED302	Thể dục và Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	2		2		20	20	18			III		
60	PED303	Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật ở tiểu học	2				20	20	18			III		
61	EDU901	Kiến tập sư phạm – SP	2	2				60				V		
62	EDU917	Thực tập sư phạm – ĐH GDTH	5	5				150				VIII		
Tổng số tín chỉ toàn chương trình: 125 TC (Bắt buộc: 105 TC; Tự chọn: 20 TC)														

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	
1	PSY101	Tâm lý học đại cương	2	2		30		I
2	VIE501	Tiếng Việt 1	3	3		40	10	
3	MAT505	Toán học 1 (Tập hợp – Logic)	2	2		25	10	
4	VIE507	Tiếng Việt thực hành – SP	2	2		15	30	
5	PRE101	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2 (Sinh học, sức khỏe) – ĐH GDTH	2	2		25	10	
6	BAS101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		30		
7	PRE501	Sinh lý học trẻ em	2	2		25	10	
Tổng số tín chỉ học kỳ I: 15 (Bắt buộc: 15; Tự chọn: 0)								
1	MAX101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2		22	16	II
2	PSY103	Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm đào tạo giáo viên Tiểu học	2	2		30		
3	PED101	Giáo dục học 1	2	2		30		
4	ENG101	Tiếng Anh 1	3	3		45		
5	VIE502	Tiếng Việt 2	3	3		40	10	
6	COS101	Tin học đại cương	3	3		25	40	
7	ARI502	Toán học 2 (Các tập hợp số)	2	2		25	10	
8	PHT110	Giáo dục thể chất 1 (*)	1*	1*			30	
Tổng số tín chỉ học kỳ II: 17 (Bắt buộc: 17; Tự chọn: 0)								
1	MAX102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3		32	26	III
2	PED113	Giáo dục học 2 đào tạo giáo viên Tiểu học	2	2		30		
3	ENG102	Tiếng Anh 2	4	4		60		
4	STA101	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	2		25	10	
5	PED302	Thế dục và phương pháp dạy học thể dục ở tiểu học	2	2		20	20	
6	PED303	Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật ở tiểu học	2			20	20	
7	PRE514	Thực tập thực tế	1	1			30	
8	PHT121	Giáo dục thể chất 2 (*)	2*	2*			60	
9	MIS150	Giáo dục quốc phòng – an ninh 1 (*)	3*	3*		30	16	
Tổng số tín chỉ học kỳ III: 14 (Bắt buộc: 12; Tự chọn: 2)								
1	HCM101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		21	18	IV
2	PED304	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	3		15	60	
3	PED306	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	4	4		25	70	
4	PED307	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội 1 (Tự nhiên xã hội và Khoa học)	4	4		25	70	
5	PED308	Âm nhạc và Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2	2		15	30	
6	PED309	Phương pháp dạy Tiếng Việt cho học sinh dân tộc	2			15	30	
7	MIS160	Giáo dục quốc phòng – an ninh 2 (*)	2*	2*		32	10	
Tổng số tín chỉ học kỳ IV: 15 (Bắt buộc: 13; Tự chọn: 2)								
1	VRP101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		32	26	V
2	PED513	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	3	3		25	40	
3	PED510	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	3		25	40	
4	PRE506	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 3 (Vật lý, Hóa học) – ĐH GDTH	2	2		25	10	
5	VIE505	Ngôn ngữ học văn bản	2			25	10	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ	
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm		
6	PRE513	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1 (Lịch sử, Địa lí) – ĐH GDTH	2	2		25	10		
7	MIS170	Giáo dục quốc phòng – an ninh 3 (*)	3*	3*		29	43		
8	EDU901	Kiến tập sư phạm – SP	2	2			60		
Tổng số tín chỉ học kỳ V: 13 (Bắt buộc: 11; Tự chọn: 2)									
1	ALG505	Đại số sơ cấp – ĐH GDTH	2		2	25	10	VI	
2	GEM507	Hình học sơ cấp	2			25	10		
3	AES503	Thủ công - Kỹ thuật	3	3		30	30		
4	PED607	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 (Lịch sử, Địa lí)	2	2		15	30		
5	PED560	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học	3	3		30	30		
6	PED105	Phương pháp nghiên cứu khoa học – ĐH GDTH	2	2		30			
7	PED532	Phương pháp công tác Đội thiếu niên tiền phong HCM	2	2		20	20		
8	LIT505	Văn học 1	3	3		40	10		
Tổng số tín chỉ học kỳ VI: 17 (Bắt buộc: 15; Tự chọn: 2)									
1	COA511	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học	3	3		25	40	VII	
2	VIE503	Ngữ pháp tiếng Việt – SP GDTH	2		2	25	10		
3	VIE508	Từ Hán – Việt	2			25	10		
4	PRE910	Phương pháp dạy học Toán 3 (Thực hành giải toán tiểu học)	3	3		30	30		
5	PED611	Mỹ thuật và Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	2	2		15	30		
6	PED108	Giáo dục môi trường – SP GDTH	2	2		25	10		
7	PED523	Phương pháp dạy học Thủ công và Kỹ thuật ở tiểu học	2	2		15	30		
8	PED561	Hoạt động ngoài giờ lên lớp, thực hành công tác Đội, Sao nhi đồng	2	2		30			
9	EDU101	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	1	1		15			
Tổng số tín chỉ học kỳ VII: 17 (Bắt buộc: 15; Tự chọn: 2)									
1	EDU917	Thực tập sư phạm – ĐH GDTH	5	5			150	VIII	
2	EDU955	Khóa luận tốt nghiệp – ĐH GDTH	10		10		300		
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:									
3	PED914	Phương pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	2		10	25	10		
4	PRE917	Số luận	3			40	10		
5	PRE918	Đại lượng và đo đại lượng	3			40	10		
6	PED913	Phương pháp dạy toán tích cực cho học sinh tiểu học	2			25	10		
7	PED528	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 3 (Phương pháp giải bài tập tiếng Việt)	2			15	30		
8	PRE914	Văn học 2 – Thi pháp học	2			25	10		
9	LAS522	Ngữ dụng học – ĐH GDTH	3			40	10		
Tổng số tín chỉ học kỳ VIII: 15 (Bắt buộc: 5; Tự chọn: 10)									

